

**TUẦN 4****Ngày soạn: 8/9/2024****Ngày dạy: 30/9/2024****TIẾT 10 - §7: THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH****I.MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Nhận biết được khái niệm: Biểu thức, giá trị của biểu thức;
- Nắm được quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

**2. Năng lực**

- + Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.
- + Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

**3. Phẩm chất**

- **Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Máy tính cầm tay hoặc máy tính xách tay có cài phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 ES PLUS, máy chiếu.

**2 - HS :** Đồ dùng học tập và máy tính cầm tay.

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 ph)**

**a) Mục tiêu:** Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu hai HS thực hiện dãy tính  $5 + 3 \times 2$ . Một HS thực hiện phép tính từ trái qua phải. Một HS thực hiện theo thứ tự ngược lại.

Sau khi hai HS cho kết quả, GV nhận xét và chỉ ra HS nào có kết quả như của Tròn, HS nào có kết quả như của Vuông.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát và lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2 HS lên bảng, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài” => Bài mới.

## B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20ph)

### Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức

#### a) Mục tiêu:

- + Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.
- + Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.
- + Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

#### c) Sản phẩm:

- + HS vận dụng được kiến thức vừa học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

#### d) Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>+ GV nhắc nhắc lại một cách ngắn gọn khái niệm biểu thức: <i>Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân,</i></p>	<p><b>1. Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức</b></p> <p>- Với các biểu thức không có dấu</p>

chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.

( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)

+ GV dẫn dắt và phân tích hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức: ( GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác.

❖ Đối với biểu thức có dấu ngoặc

Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiện các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:

- $52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$
- $60 : 10 \times 5 = 30$

Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:

- $10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16$   
 $= 10 + 32 = 42$

❖ Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:

- $(10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$

Nếu có các dấu ngoặc tròn ( ) , dấu ngoặc vuông [

ngoặc: **Lũy thừa**→**Nhân và chia**→**Cộng và trừ**

**VD:**

- $52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$
- $60 : 10 \times 5 = 30$
- $10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16$   
 $= 10 + 32 = 42$

- Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:

( ) → [ ] → { }

**VD:**

- $(10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$
- $\{15 + 2 \cdot [8 - (5 - 3)]\} : 9$   
 $= 15 + 2 \cdot [8 - 2] : 9$   
 $= \{15 + 2 \cdot 6\} : 9$   
 $= \{15 + 12\} : 9$   
 $= 27 : 9 = 3$

?

Bạn Vương làm đúng theo quy ước.

Vì thứ tự thực hiện phép tính là nhân chia trước, cộng trừ sau.

Ví dụ:

a)  $8 + 36 : 3 \cdot 2$   
 $= 8 + 12 \cdot 2 = 8 + 24 = 32$

b)  $[1 + 2 \cdot (5 \cdot 3 - 2^3)] \cdot 7$

], dấu ngoặc nhọn { } thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:

$$\bullet \{15 + 2.[8-(5-3)]\} : 9$$

$$= 15 + 2.[8-2] : 9$$

$$= \{15 + 2.6\} : 9$$

$$= \{15+12\} : 9$$

$$= 27 : 9 = 3$$

+ HS áp dụng quy tắc để giải phần ? ( HS áp dụng quy tắc tính  $5 + 3 \cdot 2$  rồi nhận xét cách tính của Tròn, Vuông) -> GV dùng phần mềm giả lập máy tính

Casio fx – 570 Es Plus, nhập đúng biểu thức đã cho rồi nhấn phím “=” ( chiếu lên màn hình cho HS quan sát)

=> Kết luận MTCT cũng vận dụng đúng quy tắc.

+ GV gợi ý và hướng dẫn cho HS giải **Ví dụ** trong SGK-tr26. ( HS tự giải trong 5p sau đó trình bày bài chữa -> GV chữa lại, chú ý cho HS cách trình bày chi tiết, ngắn gọn để HS vận dụng trong các BT tương tự.)

+ GV mời 2 HS làm **Luyện tập 1**, dưới lớp hoàn thành vào vở.

+ HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phần **Vận dụng**.

$$= [1 + 2. (5 \cdot 3 - 8)] \cdot 7$$

$$= [1 + 2. (15 - 8)] \cdot 7$$

$$= [1 + 2.7] \cdot 7$$

$$= [1 + 14] \cdot 7 = 15 \cdot 7 = 105$$

Luyện tập 1:

$$a) 25 \cdot 2^3 - 3^2 + 125$$

$$= 25 \cdot 8 - 9 + 125$$

$$= 200 - 9 + 125$$

$$= 191 + 125$$

$$= 316$$

$$b) 2 \cdot 3^2 + 5 \cdot (2+3)$$

$$= 2 \cdot 9 + 5 \cdot 6$$

$$= 18 + 30$$

$$= 48$$

Vận dụng:

a) Quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu là:

$$14 \times 3 = 42 \text{ (km)}$$

Quãng đường người đó đi được trong 2 giờ sau là:

$$9 \times 2 = 18 \text{ (km)}$$

b) Quãng đường người đó đi được trong 5 giờ là:

$$42 + 18 = 60 \text{ (km)}$$

Đáp số: 60km.

<p>+ HS thảo luận hoàn thành <b>Luyện tập 2</b> ( GV có thể gọi 1 HS đứng trả lời tại chỗ).</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>+ HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.</p> <p>+ GV: quan sát và trợ giúp HS.</p> <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>+HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.</p> <p>+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.</p> <p><b>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại.</p>	<p><b>* Chú ý:</b></p> <p>Trong một biểu thức có thể có chứa chữ. Để tính giá trị của biểu thức đó khi cho giá trị của các chữ, ta thay thế giá trị đã cho vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức nhận được.</p> <p><u>Luyện tập 2:</u></p> <p>a) Biểu thức tính diện tích của HCN ABCD là: <math>2a^2 + a</math> (đvdt)</p> <p>b) <math>a = 3</math></p> <p><math>\Rightarrow S_{\text{hcnABCD}} = 2 \cdot 1^2 + 1 = 2 \cdot 1 + 1 = 2 + 1 = 3</math> ( <math>\text{cm}^2</math>)</p>
--	--

### C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 10ph)

a) **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

b) **Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập: **Luyện tập, Bài 1.46 ; 1.47**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.

#### Bài 1.46

a.  $235 + 78 - 142 = 313 - 142 = 171$

b.  $14 + 2 \cdot 8^2 = 14 + 2 \cdot 64 = 14 + 128 = 142$

c.  $\{ 2^3 + [ 1 + ( 3 - 1)^2] \} : 13$

$$= \{ 8 + [ 1 + 2^2] \} : 13$$

$$= \{ 8 + [ 1 + 4] \} : 13$$

$$= \{ 8 + 5 \} : 13$$

$$= 13 : 13$$

$$= 1$$

**Bài 1.47 :**

$$1 + 2(a + b) - 4^3$$

Thay  $a = 25$  và  $b = 9$  vào biểu thức ta có :

$$1 + 2.(25 + 9) - 64$$

$$= 1 + 2. 34 - 64$$

$$= 1 + 68 - 64$$

$$= 69 - 64$$

$$= 5$$

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 8ph)**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng : **Bài 1.48 ; Bài 1.49**

**Bài 1.48 :**

Trong cả năm, trung bình mỗi tháng cửa hàng đó bán được số chiếc ti vi là :

$$( 1\ 264 + 164 . 4 ) : 12 = 160 \text{ ( ti vi)}$$

Đáp số : 160 ti vi.

**GV: Đinh Thị Kim Ngân**

**Trường THCS Xuân Phú**

**Bài 1.49 :**

$$18.350 + (105-30-18).170 + 30.(105-30)$$

Diện tích sàn cần lát :  $(105 - 30) \text{ m}^2$  ;

Tổng tiền công là :  $(105-30).30$  ( nghìn đồng) ;

$18\text{m}^2$  gỗ loại 1 có giá :  $18.350$  ( nghìn đồng) ;

Còn lại  $[(105-30)-18] \text{ m}^2$  gỗ loại 2 có giá là :  $[(105-30)-18].170$  (nghìn đồng)

Tổng chi phí :  $(105-30).30 + 18.350 + [(105-30)-18].170 = 18\,240$  ( nghìn đồng)

Đáp số :  $18\,240\,000$  đồng.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ( 2ph)****1. Nhiệm vụ cá nhân**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học từ Bài 1 đến Bài 7.
- Xem trước các bài tập phần Luyện tập chung và Ôn tập chương I.
- Làm trước các bài tập **1.50; 1.52; 1.53; 1.56.**

**2. Nhiệm vụ theo tổ**

- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ Bài 1 -> Bài 7 ( GV hướng dẫn 4 nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.

**Ngày soạn: 8/9/2024**

**Ngày dạy: 2/10/2024**

**BÀI : LUYỆN TẬP CHUNG****I. MỤC TIÊU****1.Kiến thức:**

- Cùng cố cho HS các kiến thức bài 6 và bài 7: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên, các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính để tính giá trị của biểu thức.

- HS biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế.

### 2.Kĩ năng:

- Năng lực tính toán: Tính được các phép tính về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thực hiện đúng thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

- Năng lực mô hình hóa và giải quyết vấn đề toán học: Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tế quen thuộc và đơn giản.

### 3.Phẩm chất:

- Rèn luyện ý thức tìm tòi, khám phá, ý thức làm việc nhóm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của GV:

- Máy tính, máy chiếu, điện thoại thông minh có cài phần mềm Plickers.

- Học liệu: SGK, tài liệu giảng dạy, giáo án ppt, bảng phụ phần trò chơi và các phụ lục.

Phụ lục 1: Trò chơi tiếp sức

Phụ lục 2: Phiếu học tập nhóm số 1.

Phiếu học tập nhóm số 2.

Phiếu học tập số 3 (giao về nhà).

### 2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập, SGK, máy tính cầm tay, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1.Hoạt động 1: Gợi nhớ kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện phép tính( 6 phút)

a) **Mục tiêu:** Thông qua trò chơi “ Tiếp sức” đánh giá mức độ nắm bắt kiến thức của học sinh về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện phép tính trong các biểu thức đơn giản, tạo cho học sinh hứng thú khi học bài.

b) **Nội dung:** HS tham gia trò chơi “ Tiếp sức” để ôn tập lại kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện phép tính

### c) Sản phẩm:

+ HS hệ thống lại kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện phép tính.

### d) Tổ chức thực hiện

\* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức”:

- GV treo bảng phụ, chiếu luật chơi (Phụ lục 1), yêu cầu 1 HS đọc rõ luật chơi.

- GV chọn 2 đội tham gia, mỗi đội 5 HS.

- HS dưới lớp chọn 1 HS là trọng tài.



<b>Bảng 1</b>	<b>Bảng 2</b>
1) Viết kết quả phép tính sau dưới dạng một lũy thừa $5^4 \cdot 5^3 : 5^2$ ..... .....	1) Viết kết quả phép tính sau dưới dạng một lũy thừa $3^4 : 3^2 \cdot 3$ ..... .....
2) Tính giá trị biểu thức $2 \cdot 3^2 + 24 : 6 \cdot 2$ ..... .....	2) Tính giá trị biểu thức $2 \cdot 3^2 - 24 : (6 \cdot 2)$ ..... .....

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh 2 đội thực hiện nhiệm vụ.
- Trọng tài giám sát hai đội chơi không cho vi phạm luật chơi. HS dưới lớp quan sát và lắng nghe. Khi hết thời gian mời hai đội về chỗ ngồi.
- GV quan sát phần thi của hai đội.

**\* Báo cáo thảo luận:** Trọng tài mời “khán giả” (HS trong lớp) nhận xét, sửa sai (nếu có) bài làm của hai đội chơi, HS đội này có thể nhận xét bài làm của đội kia. Trọng tài xác định đội thắng- thua và báo cáo với GV.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét các bài làm của từng nhóm, đánh giá mức độ hoàn thành của từng nhóm và cho điểm đội thắng.
- GV chỉ ra một số lưu ý:
  - + Để làm tốt bài tập số 1 ở hai bảng, các em cần nắm vững quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số.
  - + Với bài tập số 2 trong hai bảng trên, các em cần lưu ý thứ tự thực hiện phép tính.

**2. Hoạt động 2: Luyện tập củng cố kiến thức kỹ năng ( 12 phút)**

**2.1. Nội dung 1. Dạng 1: Thực hiện phép tính trong biểu thức chứa dấu ngoặc (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức cho học sinh về lũy thừa với số mũ tự nhiên và thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức có nhiều dấu ngoặc.

**b) Nội dung:** HS thực hiện phép tính trong biểu thức chứa dấu ngoặc.

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức đã học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện**

<b>HD CỦA GV VÀ HS</b>	<b>SẢN PHẨM DỰ KIẾN</b>
* <b>Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các nhiệm vụ sau:	<b>Dạng 1: Thực hiện phép tính trong biểu thức chứa dấu ngoặc</b>

<p>- <b>Nhiệm vụ 1:</b> Nghiên cứu Ví dụ 1/SGK/27, nêu cách thực hiện phép tính trong Ví dụ 1.</p> <p>- <b>Nhiệm vụ 2:</b> Trình bày Ví dụ 1/SGK/27 (1HS lên bảng trình bày).</p> <p><b>* Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS cả lớp nghiên cứu Ví dụ 1, trả lời câu hỏi, một HS lên bảng thực hiện nhiệm vụ 2. HS dưới lớp lắng nghe và làm bài vào vở.</p> <p>- GV lắng nghe, quan sát (câu trả lời của HS, lời giải trên bảng), kiểm tra bài làm của một vài học sinh.</p> <p><b>* Báo cáo thảo luận:</b></p> <p>- GV gọi HS dưới lớp nhận xét và bổ sung bài làm trên bảng.</p> <p><b>* Kết luận và nhận định</b></p> <p>- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh.</p> <p>- Lưu ý rằng: Với các biểu thức có nhiều dấu ngoặc ta thực hiện trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau, <math>( ) \rightarrow [ ] \rightarrow \{ \}</math> và lũy thừa <math>\rightarrow</math> phép nhân, phép chia <math>\rightarrow</math> phép cộng, phép trừ.</p>	<p>Chữ Ví dụ 1/ SGK/27</p>
--	----------------------------

**2.2.Nội dung 2.Dạng 2: Thực hiện phép tính trong biểu thức không có dấu ngoặc (7 phút)**

**a) Mục tiêu:** HS thực hiện đúng thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức không chứa dấu ngoặc.

**b) Nội dung:** HS thực hiện phép tính trong biểu thức không có dấu ngoặc.

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức đã học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<b>* Chuyển giao nhiệm vụ:</b>	<b>Dạng 2: Thực hiện phép tính trong biểu</b>

<p>- GV chiếu nội dung bài tập 1( Bài 1.63/SBT/26).</p> <p>- Tổ chức hoạt động cá nhân: HS cả lớp làm bài vào vở, gọi 3 HS lên bảng:</p> <p>+ HS1: Chữa bài 163 phần a.</p> <p>+ HS2: Chữa bài tập 163 phần b.</p> <p>+ HS3: Chữa bài tập 163 phần c.</p> <p><b>* Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS làm bài cá nhân bài 1.63/SBT/26, 3 HS lên bảng thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV quan sát bài làm trên bảng và bài của HS dưới lớp, hướng dẫn hỗ trợ HS câu b bài 163 các em lưu ý rằng <math>1^{111} = 1</math>.</p> <p>- Sản phẩm dự kiến:</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <p>a)</p> <math display="block">3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10</math> <math display="block">= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50</math> <math display="block">= 3000 + 200 + 50</math> <math display="block">= 3250</math> </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <p>b)</p> <math display="block">35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2</math> <math display="block">= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49</math> <math display="block">= 35 - 2 + 1029</math> <math display="block">= 33 + 1029</math> <math display="block">= 1062</math> </td> </tr> </table> <p>c) <math>5 \cdot 4^3 + 2 \cdot 3 - 81 \cdot 2 + 7</math></p> $= 5 \cdot 64 + 6 - 162 + 7$ $= 320 + 6 - 162 + 7$ $= 326 - 162 + 7$ $= 164 + 7$ $= 171.$ <p><b>* Báo cáo thảo luận:</b> GV tổ chức cho HS dưới lớp nhận xét và bổ sung:</p> <p>- GV gọi HS giơ tay nhận xét, bổ sung (nếu có) bài 1.63/SBT phần a,b.</p> <p>- Chỉ định HS nhận xét, bổ sung ( nếu có) bài 1.63/SBT phần c.</p>	<p>a)</p> $3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10$ $= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50$ $= 3000 + 200 + 50$ $= 3250$	<p>b)</p> $35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2$ $= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49$ $= 35 - 2 + 1029$ $= 33 + 1029$ $= 1062$	<p><b>thức không có dấu ngoặc.</b></p> <p>Chữa bài 1 (Bài 1.63/SBT/26)</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <p>a)</p> <math display="block">3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10</math> <math display="block">= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50</math> <math display="block">= 3000 + 200 + 50</math> <math display="block">= 3250</math> </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> <p>b)</p> <math display="block">35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2</math> <math display="block">= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49</math> <math display="block">= 35 - 2 + 1029</math> <math display="block">= 33 + 1029</math> <math display="block">= 1062</math> </td> </tr> </table> <p>c) <math>5 \cdot 4^3 + 2 \cdot 3 - 81 \cdot 2 + 7</math></p> $= 5 \cdot 64 + 6 - 162 + 7$ $= 320 + 6 - 162 + 7$ $= 326 - 162 + 7$ $= 164 + 7$ $= 171.$	<p>a)</p> $3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10$ $= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50$ $= 3000 + 200 + 50$ $= 3250$	<p>b)</p> $35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2$ $= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49$ $= 35 - 2 + 1029$ $= 33 + 1029$ $= 1062$
<p>a)</p> $3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10$ $= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50$ $= 3000 + 200 + 50$ $= 3250$	<p>b)</p> $35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2$ $= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49$ $= 35 - 2 + 1029$ $= 33 + 1029$ $= 1062$				
<p>a)</p> $3 \cdot 10^3 + 2 \cdot 10^2 + 5 \cdot 10$ $= 3 \cdot 1000 + 2 \cdot 100 + 50$ $= 3000 + 200 + 50$ $= 3250$	<p>b)</p> $35 - 2 \cdot 1^{111} + 3 \cdot 7 \cdot 7^2$ $= 35 - 2 \cdot 1 + 3 \cdot 7 \cdot 49$ $= 35 - 2 + 1029$ $= 33 + 1029$ $= 1062$				

<p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS, cho điểm HS làm tốt.</li> <li>- GV chốt:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số 1 nâng lên lũy thừa bao nhiêu cũng vẫn bằng 1.</li> <li>+ Đối với các biểu thức không có dấu ngoặc:                 <p style="margin-left: 40px;">Nếu có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta phải thực hiện lũy thừa → phép nhân, phép chia → phép cộng, phép trừ.</p> <p style="margin-left: 40px;">Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ (hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiện các phép tính từ trái qua phải.</p> </li> </ul> </li> </ul>	
---	--

**3. Hoạt động 3: Thực hành, vận dụng kiến thức kĩ năng ( 15 phút)**

**3.1. Nội dung 1: Củng cố dạng 1, dạng 2 (7 phút)**

**a) Mục tiêu:** Rèn luyện cho HS việc vận dụng các kiến thức đã học về lũy thừa với số mũ tự nhiên, về thứ tự thực hiện phép tính để thực hiện phép tính và giải quyết vấn đề.

**b) Nội dung:** HS thực hiện phép tính .

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức đã học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>* Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nhiệm vụ 1:</b> Hoạt động cá nhân (2 phút) nghiên cứu Ví dụ 2/ SGK/27.</li> <li>- <b>Nhiệm vụ 2:</b> GV phát 2 HS một phiếu học tập nhóm số 1 (Phụ lục 2), yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành Ví dụ 2/SGK/27 trong 3 phút.</li> </ul>	<p>Chữa Ví dụ 2/ SGK/27</p> <p style="text-align: center;">Lưu ý: Công thức tính thể tích của hình lập phương cạnh độ dài a là <math>a^3</math> (đvtt).</p>

<p><b>* Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghiên cứu, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1.</li> <li>- GV quan sát các cặp HS còn lúng túng gợi ý hỗ trợ (lưu ý cho HS Ví dụ 2 có thể làm theo các cách khác nhau là tính số hình theo tầng hoặc theo lớp và công thức tính thể tích hình lập phương đã học ở lớp dưới).</li> <li>- GV chụp bài làm của một số nhóm (nhóm hoàn thành nhanh nhất, nhóm làm sai (nếu có), nhóm kỹ năng chưa tốt, nhóm có cách làm khác).</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm hoàn thành nhanh nhất báo cáo, nhóm làm cách khác (nếu có), nhóm làm bài sai báo cáo. GV chiếu bài của nhóm báo cáo lên máy chiếu.</li> <li>- HS các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh, cho điểm và chốt lại các cách làm bài.</li> <li>- GV lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong Ví dụ 2 ta có thể tính số khối lập phương theo hai cách là theo tầng hàng ngang hoặc theo lớp hàng dọc.</li> <li>+ Công thức tính thể tích của hình lập phương cạnh độ dài <math>a</math> là <math>a^3</math> (đvtt).</li> </ul> </li> </ul>	
--	--

### 3.2. Nội dung 2. Dạng 3: Tìm thành phần chưa biết ( 8 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về các phép tính nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính trong bài toán tìm  $x$ .

**b) Nội dung:** HS thực hiện phép tính trong bài tìm  $x$ .

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức đã học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>* Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV chiếu bài tập 2:</p> <p>Bài 2. Tìm số tự nhiên x biết:</p> <p>a) <math>20 - [7(x - 3) + 4] = 2</math> b) <math>12x - 33 = 3^2 \cdot 3^3</math></p> <p>- <b>Nhiệm vụ 1:</b> GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi (2 phút) nêu cách làm bài tập 2.</p> <p>- <b>Nhiệm vụ 2:</b> GV cho HS hoạt động cá nhân làm bài tập 2, hai HS lên bảng trình bày:</p> <p>+ HS1: Chữa bài tập 2 phần a.</p> <p>+ HS2: Chữa bài tập 2 phần b.</p> <p><b>* Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS đọc đề bài, thảo luận và nêu cách làm.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ 2 và ghi vào vở, 2 HS lên bảng trình bày.</p> <p>- GV quan sát lời giải trên bảng và kiểm tra bài của một vài HS để tìm ra HS làm nhanh và đúng, với những HS có kỹ năng chưa tốt, HS không làm được do không hiểu đề GV hướng dẫn hỗ trợ:</p> <p>+ Câu a: biểu thức trong ngoặc vuông đóng vai trò gì trong phép tính?</p> <p>+ Câu b: Trước hết ta phải thực hiện phép tính <math>3^2 \cdot 3^3</math>, sau đó xác định vai trò của <math>12x</math> trong phép toán.</p> <p>- GV chụp bài làm của một số HS (HS hoàn thành nhanh nhất, HS làm sai, HS kỹ năng chưa tốt).</p> <p>- Sản phẩm dự kiến:</p>	<p><b>Dạng 3: Tìm thành phần chưa biết</b></p> <p>Chữa bài 2. Tìm số tự nhiên x biết:</p> <p>a) <math>20 - [7(x - 3) + 4] = 2</math>  <math>7 \cdot (x - 3) + 4 = 20 - 2</math>  <math>7 \cdot (x - 3) + 4 = 18</math>  <math>7 \cdot (x - 3) = 18 - 4</math>  <math>7 \cdot (x - 3) = 14</math>  <math>x - 3 = 14 : 7</math>  <math>x - 3 = 2</math>  <math>x = 5.</math></p> <p>Vậy <math>x = 5</math></p> <p>b) <math>12 \cdot x - 33 = 3^2 \cdot 3^3</math>  <math>12 \cdot x - 33 = 9 \cdot 27</math>  <math>12 \cdot x - 33 = 243</math>  <math>12 \cdot x = 243 + 33</math>  <math>12 \cdot x = 276</math>  <math>x = 276 : 12</math>  <math>x = 23</math></p> <p>Vậy <math>x = 23</math></p>

$$\text{a) } 20 - [7(x - 3) + 4] = 2$$

$$7 \cdot (x - 3) + 4 = 20 - 2$$

$$7 \cdot (x - 3) + 4 = 18$$

$$7 \cdot (x - 3) = 18 - 4$$

$$7 \cdot (x - 3) = 14$$

$$x - 3 = 14 : 7$$

$$x - 3 = 2$$

$$x = 5.$$

$$\text{Vậy } x = 5$$

$$\text{b) } 12 \cdot x - 33 = 3^2 \cdot 3^3$$

$$12 \cdot x - 33 = 9 \cdot 27$$

$$12 \cdot x - 33 = 243$$

$$12 \cdot x = 243 + 33$$

$$12 \cdot x = 276$$

$$x = 276 : 12$$

$$x = 23$$

Vậy  $x = 23$

**\* Báo cáo thảo luận**

- GV chỉ định HS nhận xét, bổ sung (nếu có) bài 2 câu a.

- GV gọi HS giơ tay nhận xét, bổ sung bài 2 câu b.

- GV chiếu bài làm của một HS làm sai lên màn hình để HS dưới lớp nhận xét, thảo luận.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV cho điểm HS làm tốt, động viên khuyến khích HS có thành tích chưa tốt.

- Nhấn mạnh lỗi sai của HS nếu có.

- GV chốt cách làm dạng toán tìm thành phần chưa biết: Lưu ý cho HS phải xác định đúng vai trò của các số, các biểu thức trong bài toán tìm thành phần chưa biết, thực hiện đúng theo thứ tự thực hiện

phép tính và hướng dẫn cách kết luận.	
---------------------------------------	--

**4. Hoạt động 4: Vận dụng thực tế (10 phút)**

a) **Mục tiêu:** HS lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học vào bài toán có nội dung thực tế.

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức đã học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:****\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chiếu nội dung bài tập 1.49/SGK/26, yêu cầu HS đọc kỹ đề bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

+ Diện tích sàn cần lát là bao nhiêu?

+ Tiền công mỗi  $m^2$  là bao nhiêu?

+ Số  $m^2$  gỗ loại 1, gỗ loại 2 là bao nhiêu?

- GV phát cho 4 HS (2 bàn liên tiếp) một phiếu học tập nhóm số 2 (Phụ lục 2).

- GV yêu cầu HS hoạt động trong 7 phút (Kỹ thuật khăn trải bàn):

+ Mỗi thành viên suy nghĩ, làm bài cá nhân trong 3 phút vào phiếu học tập (Phụ lục 2).

+ Thảo luận nhóm và viết đáp án vào ô giữa của phiếu học tập số 2 trong 4 phút.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời các câu hỏi để phân tích bài toán.

- HS làm bài cá nhân, sau đó thảo luận nhóm viết vào ô giữa của phiếu học tập.

- GV quan sát các nhóm hoạt động; gợi ý hỗ trợ các nhóm còn lúng túng trong diễn đạt; chụp bài làm của một số nhóm (nhóm hoàn thành nhanh và đúng nhất, nhóm làm sai hoặc kỹ năng chưa tốt) để tổ chức thảo luận.

- Dự kiến sản phẩm:



**Cá nhân**

Cá nhân

+ Diện tích sàn cần lát là  $105 - 30$  ( $m^2$ )

+ Tổng tiền công là  $30 \cdot (105 - 30)$  (nghìn đồng)

$18m^2$  gỗ loại 1 có giá là  $18 \cdot 350$  (nghìn đồng)

Còn lại  $[(105 - 30)] - 18$   $m^2$  gỗ loại 2 có giá

$170 \cdot [(105 - 30) - 18]$  (nghìn đồng)

+ **Tổng chi phí Bác Cường cần trả để lát sàn căn hộ là:**

$$30 \cdot (105 - 30) + 18 \cdot 350 + 170 \cdot [(105 - 30) - 18]$$

$$= 30 \cdot 75 + 18 \cdot 350 + 170 \cdot [75 - 18]$$

$$= 30 \cdot 75 + 18 \cdot 350 + 170 \cdot 57$$

$$= 2250 + 6300 + 9690$$

$$= 18\ 240$$
 (nghìn đồng)
$$= 18240000$$
 đồng

Cá nhân

**Cá nhân**

**\* Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày kết quả của nhóm, GV chiếu bài làm của nhóm báo cáo:
  - + Nhóm nhanh và đúng nhất báo cáo kết quả.
  - + Nhóm kỹ năng chưa tốt báo cáo.
  - + Chỉ định nhóm làm chưa chính xác báo cáo.
- HS các nhóm quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhau.

**\* Kết luận, nhận định**

- GV chính xác hóa hoạt động 4 và nhận xét đánh giá hoạt động nhóm của HS, cho điểm nhóm làm tốt.

- GV chốt: Qua bài tập này ta thấy, các em có thể vận dụng linh hoạt các phép tính trong tập hợp số tự nhiên vào các bài toán trong thực tế cuộc sống.

→ **GV giao nhiệm vụ về nhà:** GV phát cho mỗi HS một phiếu học tập số 3 (Phụ lục 2), giao nhiệm vụ về nhà các em hãy đo diện tích sàn phòng ngủ và phòng khách nhà em đang ở và nêu cách tính tiền lát sàn gỗ nếu phòng khách lát gỗ loại 1, phòng ngủ lát gỗ loại 2. Biết giá gỗ loại 1 là 350 nghìn đồng/ $m^2$  giá gỗ loại 2 là 170 nghìn đồng/ $m^2$  và công lát là 30 nghìn đồng/ $m^2$ .

**\* Nhiệm vụ học tập ở nhà (2 phút)**

- Ôn tập, ghi nhớ các quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên, ghi nhớ thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức có dấu ngoặc, không có dấu ngoặc.

- Xem lại các ví dụ, bài tập đã làm.

- Làm các bài tập 1.51; 1.52; 1.53/sgk trang 29; bài 1.64, 1.65, 1.66/SBT/26.

- Hoàn thành phiếu học tập số 3 (Phụ lục 2).

- Ôn tập các kiến thức từ bài 1 đến bài 7 chuẩn bị cho nội dung tiết sau:

“BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I”.

**PHỤ LỤC 1**

**TRÒ CHƠI TIẾP SỨC**

**Luật chơi:** Hai đội xếp thành 2 hàng dọc, mỗi đội 5 HS. Mỗi HS làm một bước sau đó quay về trao phần cho người đứng sau và di chuyển xuống cuối hàng, cứ như thế cho đến khi hoàn thành bài giải. Người sau có thể sửa lời giải người làm trước nhưng khi đó không được làm tiếp mà phải trở về vị trí cho bạn khác lên làm tiếp. Đội nào hoàn thành trước và chính xác sẽ thắng cuộc.

<b>Bảng 1</b>	<b>Bảng 2</b>
1)Viết kết quả phép tính sau dưới dạng một lũy thừa $5^4 \cdot 5^3 : 5^2$ ..... .....	1)Viết kết quả phép tính sau dưới dạng một lũy thừa $3^4 : 3^2 \cdot 3$ ..... .....
2)Tính giá trị biểu thức $2 \cdot 3^2 + 24 : 6 \cdot 2$ ..... .....	2)Tính giá trị biểu thức $2 \cdot 3^2 - 24 : (6 \cdot 2)$ ..... .....

**PHỤ LỤC 2**

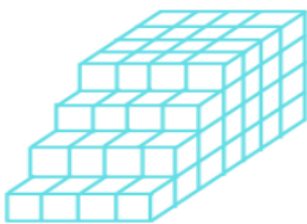
**PHIẾU HỌC TẬP NHÓM SỐ 1**

**Thành viên:**

1. .... ( *trưởng nhóm* )
2. ....

**Ví dụ 2:** Hình khối bên được ghép bằng những khối lập phương cạnh 3cm.

- a) Lập biểu thức tính số khối lập phương tạo thành
- b) Tính thể tích của hình khối



**Giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**PHIẾU HỌC TẬP NHÓM SỐ 2**

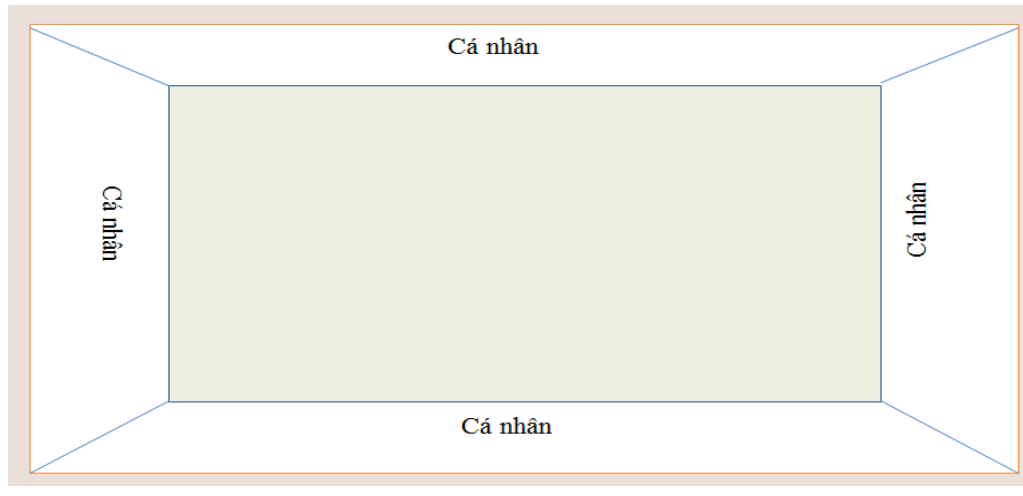
**Thành viên:**

- 1..... ( *trưởng nhóm* )
- 2.....

**Bài 1.49/SGK/26**

Căn hộ nhà bác Cường diện tích 105m<sup>2</sup>. Trừ bếp và nhà vệ sinh diện tích 30m<sup>2</sup>, toàn bộ diện tích sàn còn lại được lát gỗ như sau: 18 m<sup>2</sup> được lát bằng gỗ loại 1 giá 350 nghìn đồng/m<sup>2</sup>; phần còn lại dùng gỗ loại 2 có giá 170 nghìn đồng/m<sup>2</sup>. Công lát là 30 nghìn đồng/m<sup>2</sup>.

Viết biểu thức tính tổng chi phí bác Cường cần trả để lát sàn căn hộ như trên. Tính giá trị của biểu thức đó.



**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Họ và tên:....., Lớp:.....

**Nhiệm vụ về nhà:** Các em hãy đo diện tích sàn phòng ngủ và phòng khách nhà em đang ở và nêu cách tính tiền lát sàn gỗ nếu phòng khách lát gỗ loại 1, phòng ngủ lát gỗ loại 2. Biết giá gỗ loại 1 là 350 nghìn đồng/m<sup>2</sup>, giá gỗ loại 2 là 170 nghìn đồng/m<sup>2</sup> và công lát là 30 nghìn đồng/m<sup>2</sup>.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày soạn: 8/9/2024

Ngày dạy: 3/10/2024

**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG I**

**I.MỤC TIÊU:**

**GV: Đinh Thị Kim Ngân**

**Trường THCS Xuân Phú**

**1. Kiến thức:**

- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

+ Nâng cao các kỹ năng đã hoàn thành trước đó.

+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 – Chuẩn bị của GV:** SGK, giáo án tài liệu.

**2 – Chuẩn bị của HS :** SGK; đồ dùng học tập; sản phẩm sơ đồ tư duy theo tổ GV đã giao từ buổi học trước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Hoạt động 1: Tái hiện, củng cố( 10 phút)**

**a) Mục tiêu:**Giúp HS tổng hợp, liên kết kiến thức của các bài học từ Bài 1->Bài 7.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

<b>HD CỦA GV VÀ HS</b>	<b>SẢN PHẨM DỰ KIẾN</b>
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> Yêu cầu đại diện các nhóm kiểm tra chéo việc chuẩn bị bài ở nhà.</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>+ Các nhóm kiểm tra chéo việc chuẩn bị bài ở nhà.</p> <p>+ GV chỉ định đại diện nhóm trình bày ( Theo thứ tự lần lượt từ Tổ 1 -&gt; Tổ 4 hoặc thứ tự GV thấy hợp lý).</p> <p>- Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe để đưa ra nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>- Bước 3 : Báo cáo, thảo luận:</b> Các nhóm báo</p>	<p><b>I. Lý thuyết</b></p> <p>- Sơ đồ tư duy (<b>phụ lục 1</b>)</p>

<p>cáo, trao đổi, nhận xét và bổ sung nội dung cho các nhóm khác.</p> <p>- <b>Bước 4: GV đánh giá:</b> Kết quả của các nhóm HS, đưa ra sơ đồ tư duy( <b>phụ lục 1</b>), chốt các đơn vị kiến thức chính, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.</p>	
---	--

## 2. Hoạt động 2: Kết nối ( 17 phút)

**2.1. Nội dung 1:** Củng cố dạng bài liệt kê các phần tử của tập hợp, cách ghi số tự nhiên

**a. Mục tiêu:** Học sinh viết được 1 tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp theo các cách diễn đạt, chỉ ra được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số ( theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.

**b) Nội dung:** HS làm bài viết tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành Bài 1.54/SGK-28.

**d, Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- <b>Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>+Yêu cầu hs đọc đề bài 1.54/SGK-28</p> <p>+ Gv phát phiếu học tập cho từng cá nhân ( <b>phụ lục 2</b>), mỗi cá nhân tự hoàn thành, sau đó các em dán phiếu học tập của mình theo nhóm, thảo luận nhóm rồi đại diện nhóm trình bày.</p> <p>- <b>Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :</b> HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành bài tập và lên bảng trình bày.</p> <p>+ Sản phẩm dự kiến :</p> <p><b>Bài 1.54 : a = 15 267 021 908</b></p> <p>a) Số a có 11 chữ số.</p> <p>Tập hợp các chữ số của a là <math>A = \{ 0 ; 1 ; 2 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 \}</math></p> <p>b) Chữ số hàng triệu là 7.</p>	<p><b>II. Bài tập</b></p> <p><b>Dạng 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp, cách ghi số tự nhiên</b></p> <p>Bài 1.54/SGK-28</p>

<p>c) Trong a có hai chữ số 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chữ số 1 nằm ở hàng nghìn có giá trị là 1 000.</li> <li>+ Chữ số 1 nằm ở hàng chục tỉ có giá trị là 10 000 000 000.</li> </ul> <p>- <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b> : Gv gọi HS nhận xét, bổ sung</p> <p>- <b>Bước 4: Giáo viên khẳng định</b> : Kết quả đúng, đánh giá cho điểm các nhóm làm tốt; động viên, khuyến khích nhóm làm chưa tốt và chốt dạng 1, lưu ý cách viết tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử : <i>Mỗi phần tử chỉ được liệt kê 1 lần.</i></p>	
--	--

**2.2 Nội dung 2:** Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.

**a, Mục tiêu :** HS viết được số liền trước, số liền sau của một số tự nhiên.

**b) Nội dung:** HS làm bài tập liên quan đến thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thiện bài 1.55/SGK-28

**b, Tổ chức hoạt động :**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- <b>Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân làm bài 1.55/SGK-28, gọi 1 hs lên bảng làm.</p> <p>- <b>Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hs làm việc cá nhân, 1hs lên bảng làm</li> <li>+ Gv quan sát hỗ trợ học sinh</li> </ul> <p>Sản phẩm dự kiến : <b>Bài 1.55/SGK-28 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a, Số 2 020 là số liền sau của 2 019, là số liền trước của 2 021.</li> <li>b, Số liền trước của a là <math>a - 1</math>; số liền sau của a là <math>a + 1</math>.</li> <li>c, Trong các số tự nhiên, bất cứ số nào cũng có số liền sau. Số 0 không có số liền trước.</li> </ul> <p>- <b>Bước 3 : Báo cáo, thảo luận</b> : Gv gọi hs khác</p>	<p><b>Dạng 2: Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</b></p> <p>Bài 1.55/SGK-28</p>

nhận xét, bổ sung <b>- Bước 4 : Gv khẳng định :</b> Kết quả đúng, đánh giá cho điểm lưu ý thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên và chốt dạng 2	
--	--

### 2.3 Nội dung 3: Thứ tự thực hiện các phép tính

a) **Mục tiêu:** Tính được giá trị biểu thức số bằng cách vận dụng các quy tắc và thứ tự thực hiện các phép tính.

b) **Nội dung:** HS làm bài thực hiện phép tính

c) **Sản phẩm:** Bài tập 1.57/SGK-28

b) **Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> Gv Hãy nêu thứ tự thực hiện các phép tính?</p> <p>+ Giáo viên gọi Hs lên bảng làm bài tập 1.57/SGK-28</p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ :</b> HS lên bảng trình bày.</p> <p>Sản phẩm dự kiến: <b>Bài 1.57/SGK-28</b></p> $21. [(1245 + 987) : 2^3 - 15 \cdot 12] + 21$ $= 21 \cdot [2232 : 8 - 180] + 21$ $= 21 \cdot [279 - 180] + 21$ $= 21 \cdot 99 + 21$ $= 21 (99 + 1)$ $= 21 \cdot 100 = 2100$ <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận :</b> Giáo viên gọi học sinh nhận xét, sửa sai nếu có.</p> <p><b>- Bước 4: Gv khẳng định:</b> Kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của học sinh, cho điểm và</p>	<p><b>Dạng 3: Thứ tự thực hiện phép tính</b></p> <p>Bài tập 1.57/SGK-28</p>

chốt dạng 3	
-------------	--

**3. Hoạt động 3: Vận dụng, phát triển: (15 phút)**

**3.1 Nội dung 1: Tìm x**

**a, Mục tiêu:** Học sinh biết cách vận dụng thứ tự thực hiện phép tính để tìm 1 thành phần trong các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

**b) Nội dung:** HS làm bài tìm x .

**c) Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**b, Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ :</b> Giáo viên tổ chức cho Hs hoạt động nhóm làm từng phần bài tập sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">Tìm <math>x \in \mathbb{N}</math> biết</p> <p>a) <math>2x - 5 = 3^8 : 3^6</math></p> <p>b) <math>(x - 17)^3 = 125</math></p> <p>c) <math>3 + 2^{x+1} = 35</math></p> <p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ :</b> Hs hoạt động nhóm làm bài tập trên.</p> <p style="padding-left: 40px;">+Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ: phần b đưa về dạng <math>a^m = b^m</math> thì <math>a = b</math>; trong phần b này <math>a = ?</math>, <math>b = ?</math> (gợi ý viết 125 dưới dạng lũy thừa của 5); phần c đưa về dạng <math>a^m = a^n</math> thì <math>m = n</math></p> <p style="padding-left: 40px;">Sản phẩm dự kiến:</p> <p><b>* Bài tập bổ sung :</b> Tìm <math>x \in \mathbb{N}</math></p> <p>a) <math>2x - 5 = 3^8 : 3^6</math>                      b) <math>(x - 17)^3 = 125</math></p> <p><math>2x - 5 = 3^{8-6}</math>                              <math>(x - 17)^3 = 5^3</math> <math>x - 17 = 5</math></p> <p><math>2x - 5 = 3^2</math> <math>2x - 5 = 9</math>                      <math>x = 5 + 17</math> <math>x = 22</math></p> <p><math>2x = 9 + 5</math>                                      vậy <math>x = 22</math></p>	<p><b>Dạng 4. Tìm x</b></p> <p><b>* Bài tập bổ sung :</b> Tìm <math>x \in \mathbb{N}</math></p> <p>a) <math>2x - 5 = 3^8 : 3^6</math>                      b) <math>(x - 17)^3 = 125</math></p> <p><math>2x - 5 = 3^{8-6}</math>                              <math>(x - 17)^3 = 5^3</math> <math>x - 17 = 5</math></p> <p><math>2x - 5 = 3^2</math> <math>2x - 5 = 9</math>                      <math>x = 5 + 17</math> <math>x = 22</math></p> <p><math>2x = 9 + 5</math>                                      vậy <math>x = 22</math></p> <p><math>2x = 14</math></p> <p><math>x = 7</math></p> <p>vậy <math>x = 7</math></p> <p>c) <math>3 + 2^{x+1} = 35</math></p> <p><math>2^{x+1} = 35 - 3</math></p> <p><math>2^{x+1} = 32</math></p> <p><math>2^{x+1} = 2^5</math></p> <p><math>x + 1 = 5</math></p> <p><math>x = 4</math></p> <p>vậy <math>x = 4</math></p> <p style="text-align: right;">Chú ý: <math>a^m = b^m</math> thì <math>a = b</math>; <math>a^m = a^n</math> thì</p>



<p><math>2x = 14</math></p> <p><math>x = 7</math></p> <p>vậy <math>x = 7</math></p> <p>c) <math>3 + 2^{x+1} = 35</math></p> <p><math>2^{x+1} = 35 - 3</math></p> <p><math>2^{x+1} = 32</math></p> <p><math>2^{x+1} = 2^5</math></p> <p><math>x + 1 = 5</math></p> <p><math>x = 4</math></p> <p>vậy <math>x = 4</math></p> <p><b>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đại diện nhóm học sinh lên bảng trình bày .</li> <li>+ Hs cả lớp quan sát và nhận xét</li> </ul> <p><b>- Bước 4: Gv khẳng định:</b> Kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm và lưu ý: qua phần này các em chú ý <math>a^m = b^m</math> thì <math>a = b</math>; <math>a^m = a^n</math> thì <math>m = n</math></p>	<p><math>m = n</math></p>
--	---------------------------

**3.2 Nội dung 2:** Bài toán thực tế

**a, Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

**b, Nội dung:** HS làm bài có nội dung thực tế

**c, Sản phẩm:** Bài 1.59/SGK – tr28

**b, Tổ chức thực hiện:**

HD CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>-Bước 1 :</b> Chuyển giao nhiệm vụ : Yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng : 1.59/SGK – tr28 theo nhóm.</p>	<p><b>Dạng 5: Bài toán thực tế</b></p> <p>Bài 1.59/SGK – tr28</p>

- **Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ:** Hs làm việc theo nhóm trong 5 phút, đại diện nhóm trình bày.

Sản phẩm dự kiến : \* **Bài 1.59/SGK – tr28**

a) Tổng số vé cần bán của phòng chiếu phim đó là : 18      $18 = 324$  ( vé)

Số vé không bán được tối thứ 6 là:  $324 - 10\ 550\ 000 : 50\ 000 = 324 - 211 = 113$  ( vé)

b) Số tiền bán vé thu được ngày thứ 7 là :  $324 \times 50\ 000 = 16\ 200\ 000$  ( đồng).

c) Số tiền bán vé thu được ngày chủ nhật là :

$(324 - 41) \cdot 50\ 000 = 14\ 150\ 000$  ( đồng)

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận :** Gv gọi học sinh nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4 : Kết luận, nhận định :** Tổng hợp các ý kiến và chốt cách làm đúng, khoa học nhất. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh.

\* **Nhiệm vụ tự học ở nhà**(3 phút)

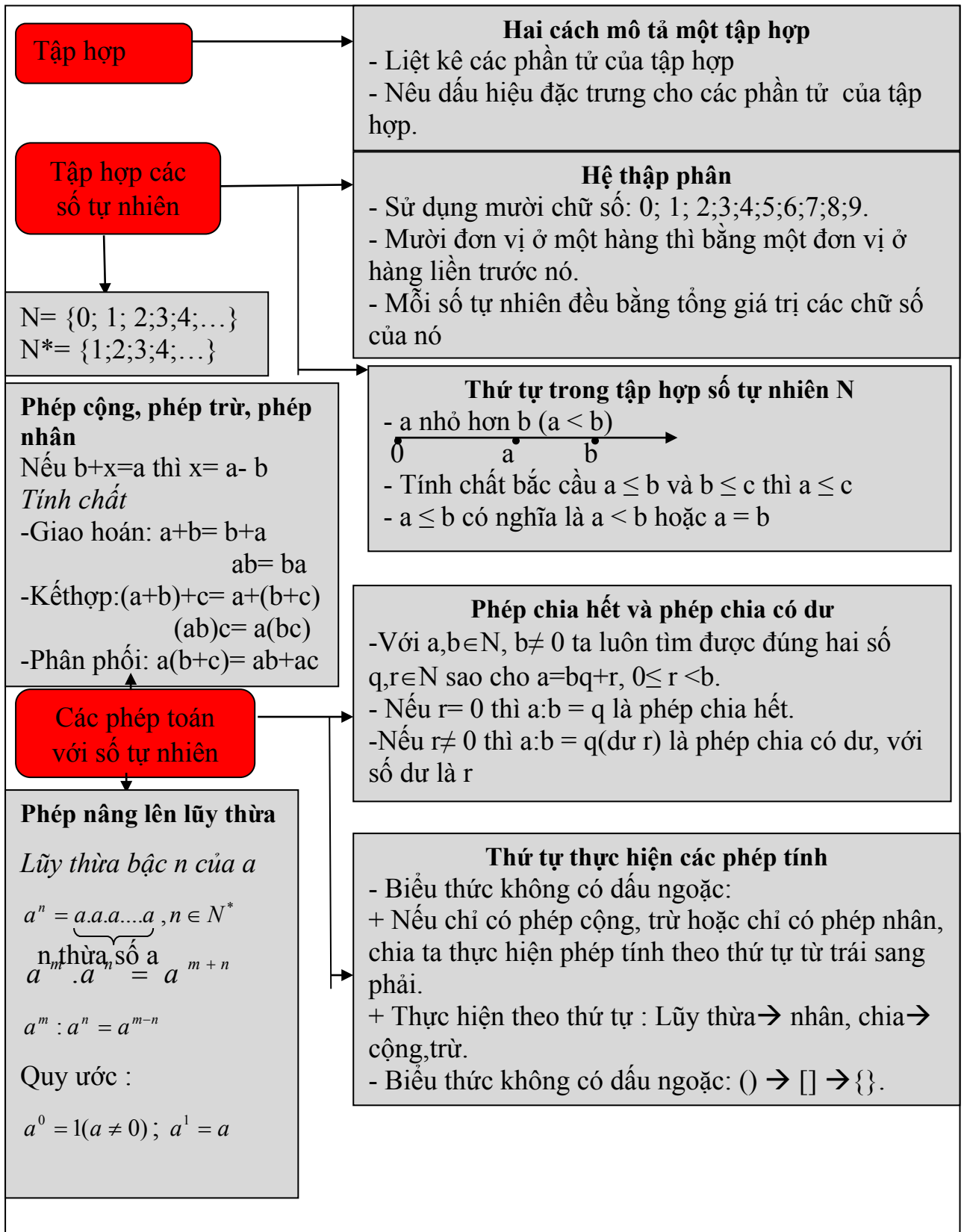
- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học nhớ kĩ: Các cách viết một tập hợp; thứ tự thực hiện phép tính trong một biểu thức (không có dấu ngoặc, có ngoặc); Cách tìm 1 thành phần trong các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

- Hoàn thành bài tập 1.58-SGK/28. Bài tập ôn tập chương I -SBT.

- Ôn tập các dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9 đã học.

- Tìm hiểu trước chương mới và đọc trước bài mới “**Quan hệ chia hết và tính chất**”.

**PHỤ LỤC 1**



**PHỤ LỤC 2****PHIẾU HỌC TẬP NHÓM :.....****Thành viên :**

1.....

2.....( Trưởng nhóm)

**Bài 1.54/SGK-28**

a) Số a có ..... chữ số.

Tập hợp các chữ số của a là .....

b) Số a có.....triệu. Chữ số hàng triệu là chữ số.....

c) Trong a có hai chữ số 1 :

+ Chữ số 1 nằm ở ..... có giá trị là .....

+ Chữ số 1 nằm ở ..... có giá trị là .....

**Xuân Phú, ngày tháng 9 năm 2024****Kí duyệt tuần 4**

